

NGHIÊN CỨU BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÂY CHÈ CỔ THỤ TẠI XÃ AN TOÀN, HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

• NGÔ VĂN TUẤN¹ · NGUYỄN VĂN TRUNG¹ · NGUYỄN KHẮC HOÀNG² ·
HỒ QUỐC BẢO² · NGUYỄN PHÚC THIÊN²

¹Đại học Quang Trung

²Đại học Văn Hiến

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiện trạng, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững quần thể chè cổ thụ tại xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Kết quả điều tra xác định 493 cây chè cổ thụ phân bố tập trung tại các khoảnh 11A (tiểu khu 37), khoảnh 3, 4 (tiểu khu 41) và khoảnh 3 (tiểu khu 53A), với đặc điểm sinh thái đa dạng. Nghiên cứu đề xuất mô hình du lịch sinh thái kết hợp bảo tồn và nâng cao giá trị kinh tế thông qua chế biến sản phẩm chè đặc sản. Kết quả này góp phần bảo vệ nguồn gen quý, phát triển du lịch cộng đồng và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương.

Từ khóa: chè cổ thụ, bảo tồn, du lịch sinh thái, xã An Toàn, tỉnh Bình Định.

1. Đặt vấn đề

Xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định là vùng có điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng thuận lợi cho sự phát triển của cây chè, đặc biệt là giống chè Tiến Vua. Với tổng diện tích rừng đặc dụng lên tới 22.681 ha, nơi đây sở hữu quần thể chè cổ thụ có giá trị sinh học và kinh tế cao. Tuy nhiên, do thiếu quy hoạch và chăm sóc hợp lý, nhiều cây chè đang đối mặt với nguy cơ thoái hóa.

Việc bảo tồn và phát huy giá trị cây chè cổ thụ không chỉ góp phần giữ gìn nguồn gen quý mà còn mở ra cơ hội phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, nâng cao thu nhập cho người dân.

Nghiên cứu này tập trung vào: Đánh giá hiện trạng phân bố và đa dạng sinh học của quần thể chè cổ thụ; Đề xuất giải pháp bảo tồn và khai thác bền vững; Xây dựng mô hình du lịch gắn với bảo tồn và phát triển sản phẩm từ chè; Bảo tồn quần thể chè cổ thụ và phát triển chè trồng trong dân, gắn với du lịch cộng đồng để nâng cao thu nhập và bảo vệ nguồn gen: + Phân loại thực vật, đánh giá đa dạng sinh học và lập hồ sơ phân bố quần thể chè cổ thụ; + Đề xuất phương án bảo tồn và phát huy giá trị cây chè An Toàn; + Xây dựng mô hình du lịch sinh thái gắn với bảo tồn chè cổ thụ; + Phát triển mô hình du lịch cộng đồng, đào tạo người dân trồng, chế biến và khai thác chè bền vững.

2. Phương pháp nghiên cứu

Quần thể chè cổ thụ (493 cây) và chè trồng (413 cây) trong rừng đặc dụng, 4000 cây ở vùng ven rẫy, nhà hộ dân. Nghiên cứu được thực hiện tại Xã An Toàn, Huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

Thực hiện khảo sát nhằm xác định vị trí, số lượng và hiện trạng của các cây chè cổ thụ trong các tiểu khu rừng đặc dụng. Các nhà nghiên cứu sử dụng GPS để định vị, đo đạc kích thước, ghi chép đặc điểm sinh trưởng và đánh giá môi trường sống của cây trong các tiểu khu rừng đặc dụng. Sử dụng phương pháp phân loại thực vật học và đánh giá hình thái. Thu thập kinh nghiệm truyền thống của người dân trong canh tác chè (Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn - RRA) đóng vai trò quan trọng trong việc thu thập tri thức truyền thống về kỹ thuật trồng, chế biến và lịch sử gắn liền với chè tiến vua. Thông tin từ người dân địa phương không chỉ bổ sung dữ liệu thực địa mà còn góp phần bảo vệ giá trị văn hóa phi vật thể. Sự kết hợp đồng bộ ba phương pháp này tạo cơ sở khoa học toàn diện, vừa bảo tồn nguồn gen, vừa phát huy tiềm năng kinh tế - văn hóa của giống chè đặc hữu này.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Hiện trạng phân bố cây chè cổ thụ

Để đánh giá hiện trạng phân bố của cây chè cổ thụ trong khu vực nghiên cứu, nhóm đã tiến hành điều tra thực địa tại các tiểu khu rừng đặc dụng thuộc các khoảnh khác nhau. Phương pháp nghiên

cứu bao gồm: Khảo sát và định vị bằng GPS để xác định ranh giới, diện tích từng khu vực; Kiểm đếm trực tiếp số lượng cây chè cổ thụ, đồng thời ghi nhận đặc điểm phân bố (tập trung, phân tán, ven suối...); Tính toán mật độ (cây/ha) dựa trên tỷ lệ giữa số lượng cây và diện tích từng khu vực: $\text{mật độ (cây/ha)} = \frac{\text{Tổng số cây}}{\text{Diện tích khu vực (ha)}}$

Bảng 1 cho thấy sự phân bố không đồng đều của cây chè Tiến Vua ở các khu vực khác nhau, phản ánh rõ sự khác biệt về điều kiện tự nhiên và phương thức canh tác. Trong đó, Khoảnh 4 (TK 41) có diện tích lớn nhất (42,5 ha) nhưng mật độ cây thưa thớt (2,35 cây/ha) do đất nghèo dinh dưỡng và trồng rải rác. Ngược lại, Khoảnh 3 (TK 53A) chỉ có diện tích nhỏ (0,127 ha) nhưng mật độ cực cao (338,58 cây/ha), phù hợp với đặc điểm "tập trung cao, gen độc đáo" - đây có thể là khu vực bảo tồn giống chè quý hiếm. Khoảnh 3 (TK 41) tuy diện tích khiêm tốn (3,98 ha) nhưng cây trồng tập trung ven suối với mật độ trung bình (37,69 cây/ha), thuận lợi cho sinh trưởng nhờ nguồn nước ổn định. Trong khi đó, Khoảnh 11A (TK 37) có diện tích khá lớn (25,45 ha) nhưng phân tán trên địa hình dốc, gây khó khăn cho canh tác.

Nhìn chung, mỗi khu vực có thế mạnh và hạn chế riêng: Khoảnh 3 (TK 53A) cần ưu tiên bảo tồn, Khoảnh 3 (TK 41) có tiềm năng nhân rộng, trong khi Khoảnh 4 (TK 41) và Khoảnh 11A (TK 37) cần cải tạo đất và quy hoạch lại để nâng cao hiệu quả kinh tế. Dữ liệu này cho thấy, việc phát

Bảng 1. Hiện trạng khu vực phân bố

Khu vực	Diện tích (ha)	Số cây	Mật độ (cây/ha)	Đặc điểm
Khoảnh 11A (TK 37)	25,45	200	7,86	Phân tán, địa hình dốc
Khoảnh 3 (TK 41)	3,98	150	37,69	Tập trung ven suối
Khoảnh 4 (TK 41)	42,50	100	2,35	Rải rác, đất nghèo dinh dưỡng
Khoảnh 3 (TK 53A)	0,127	43	338,58	Tập trung cao, gen độc đáo

Bảng 2. Bảng tổng hợp kết quả phân tích mẫu chè Tiến vua

Khoảnh	Số hiệu TK	Số mẫu	Polyphenol (%)	Caffeine (%)	EGCG (mg/g)	Đặc điểm hình thái
Khoảnh 4	TK 41	15	25.2 - 28.7	2.7 - 2.9	85 - 110	Lá dày, búp non lông tơ trắng
Khoảnh 3	TK 53A	12	25.5 - 27.9	2.6 - 2.8	90 - 115	Kháng sâu bệnh rõ rệt
Khoảnh 3	TK 41	10	26.1 - 29.0	2.8 - 3.0	95 - 120	Búp chặt, màu xanh đậm
Khoảnh 11A	TK 37	13	24.9 - 26.8	2.7 - 2.9	80 - 105	Lá bánh tẻ, lông tơ mịn

triển chè Tiến Vua cần gắn với đặc thù sinh thái từng vùng để đảm bảo chất lượng và giá trị bền vững.

3.2. Đa dạng sinh học và giá trị nguồn gen

3.2.1. Đặc điểm sinh hóa

Kết quả phân tích sinh hóa từ 50 mẫu lá chè đại diện cho thấy hàm lượng polyphenol, caffeine, EGCG (Epigallocatechin gallate)

Kết quả Bảng 2. cho thấy phân tích 50 mẫu chè Tiến Vua tại tiểu khu An Toàn cho thấy chất lượng vượt trội, đáp ứng tiêu chuẩn để phát triển sản phẩm trà được. Các mẫu chè đều có hàm lượng polyphenol cao ($\geq 25\%$), trong đó một số mẫu tại khoảnh TK 41 đạt tới 29%, mang lại hiệu quả chống oxy hóa tốt. Hàm lượng caffeine duy trì ở mức trung bình ($\sim 2,8\%$), đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Đặc biệt, hợp chất EGCG - có tác dụng kháng sâu bệnh tự nhiên - được ghi nhận ở mức 80-120 mg/g, nổi bật nhất tại các khoảnh TK 41 và TK 53A.

Về đặc điểm sinh trưởng, giống chè Tiến Vua có lá dày, búp non phủ lông tơ trắng, kết hợp khả năng kháng sâu bệnh nhờ EGCG, giúp hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Dựa trên kết quả này, các khoảnh TK 41 và TK 53A là những vùng nguyên liệu tiềm năng nhất để sản xuất trà được cao cấp, đảm bảo cả về được tính và độ an toàn.

3.2.2. Đa dạng hệ sinh thái

Quần thể chè cổ thụ là nơi cư trú của 17 loài động thực vật quý hiếm (theo Sách Đỏ Việt Nam), bao gồm:

+ Chim: Khướu ngực đỏm (Garrulax merulinus), Gà lôi trắng (Lophura nycthemera).

+ Thực vật: Lan kim tuyến (Anoectochilus setaceus), Cẩm cù (Hoya carnosa) sống bám trên thân chè.

Người dân tộc H'rê tại An Toàn có truyền thống sử dụng lá chè cổ để chữa bệnh đường tiêu hóa, kết hợp với mật ong rừng làm thuốc bổ. Nghi lễ "Cúng rừng chè" hàng năm thể hiện triết lý bảo vệ rừng thiêng.

Để đánh giá vai trò của cây chè cổ thụ trong đời sống người dân và thu thập tri thức bản địa, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 250 hộ gia đình (100 hộ dân tộc H'rê, 800 hộ dân tộc Bana, 70 dân tộc Kinh) bằng phương pháp RRA (Rapid Rural Appraisal). Kết quả phân tích theo các chủ đề chính sau:

3.3.1. Tri thức canh tác truyền thống

Kỹ thuật trồng và chăm sóc: 85% người H'rê có kinh nghiệm truyền đời về cách ươm chè bằng hạt già (ngâm nước ấm 3 ngày trước khi gieo), tỉa cành vào mùa khô để tập trung dinh dưỡng cho búp non.

Bảng 3. Bảng tổng hợp ý kiến cộng đồng

Chủ đề	Tỷ lệ hộ quan tâm (%)	Giải pháp đề xuất
Bảo tồn cây chè cổ	92	Khoanh vùng cấm khai thác, giao cho làng quản lý
Phát triển du lịch	85	Xây dựng tuyến tham quan có sự tham gia của người dân
Đào tạo kỹ thuật	78	Mở lớp dạy chế biến trà Oolong, trà xanh matcha

Bảo vệ cây chè cổ: 72% hộ cho biết duy trì tục "cắm chặt cây chè rừng" theo luật tục, coi đây là "rừng thiêng" của làng. Một số cây chè trên 100 tuổi được đặt tên riêng (ví dụ: "Cây Chè Ông K'Riu" - gắn với truyền thuyết tổ tiên).

Làm thuốc: Lá chè cổ được người H'rê dùng để đun nước uống trị đau bụng (kết hợp với gừng rừng), nước tắm cho trẻ em chống rôm sảy.

Sản phẩm kinh tế: 60% hộ Kinh khai thác lá chè non bán cho thương lái với giá 25.000-30.000 đồng/kg (tươi), nhưng chưa có quy trình chế biến sâu.

3.3.4. Thách thức và nguyện vọng

Rủi ro: 45% hộ phản ánh tình trạng sâu cuốn lá (tên địa phương: "sâu đeo mặt nạ") gây giảm năng suất; 30% lo ngại về biến đổi khí hậu làm chè ra búp không đúng vụ. Hơn 90% người dân ủng hộ mô hình du lịch cộng đồng nếu được đào tạo kỹ năng hướng dẫn viên. 68% đề xuất hỗ trợ kỹ thuật chế biến trà khô để tăng giá trị (hiện chỉ bán nguyên liệu thô).

3.3.5. Đề xuất từ cộng đồng

Bảo tồn văn hóa: Khôi phục lễ "Cúng rừng chè" hàng năm kết hợp giới thiệu sản phẩm du lịch.

Chia sẻ lợi ích: Thành lập quỹ hỗ trợ hộ nghèo từ 10% doanh thu tour, do cộng đồng tự quản.

Kết quả phỏng vấn cho thấy cộng đồng địa phương vừa là chủ thể bảo tồn, vừa là đối tác quan trọng trong phát triển kinh tế từ chè cổ thụ. Tri thức bản địa về canh tác và bảo vệ rừng chè cần được tích hợp vào các giải pháp kỹ thuật để đảm bảo tính bền vững

4.4. Đề xuất mô hình bảo tồn và phát triển du lịch

Bảo tồn tại chỗ: Để bảo vệ nguồn gen quý của rừng chè cổ thụ, cần khoanh vùng nghiêm ngặt khu vực trọng điểm bằng hệ thống rào chắn sinh thái, biển báo và camera giám sát. Khu vực lõi sẽ được bảo vệ tuyệt đối, chỉ phục vụ nghiên cứu, trong khi vùng đệm cho phép tham quan có kiểm soát. Song song đó, vườn bảo tồn gen sẽ được xây dựng với quy trình bài bản: thu thập mẫu vật từ những cây chè trăm tuổi, nhân giống bằng kỹ thuật chiết cành, ghép mắt để duy trì đặc tính di truyền. Vườn ươm áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt và theo dõi sinh trưởng bằng phần mềm, đồng thời phối hợp với các viện nghiên cứu để lai tạo giống chè kháng sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu.

Phát triển du lịch sinh thái: Tuyến du lịch sinh thái sẽ kết hợp khám phá thiên nhiên với trải nghiệm văn hóa độc đáo. Du khách có thể chọn hành trình trekking 2-3 tiếng xuyên rừng chè cổ, dừng chân tại các điểm nghỉ được thiết kế hài hòa với cảnh quan. Dọc đường đi, hệ thống bảng thông tin đa ngôn ngữ sẽ giải thích về lịch sử hình thành rừng chè, đặc điểm sinh thái, cùng những câu chuyện dân gian của người H'rê, Bana gắn liền với cây chè. Điểm nhấn là tour "Từ rừng già đến tách trà" - nơi du khách trực tiếp hái lá chè non dưới sự hướng dẫn của nghệ nhân, sau đó tham gia quy trình chế biến thủ công: sao chè trên chảo đất, vò lá bằng tay, phơi khô tự nhiên. Hoạt động kết thúc bằng workshop pha trà nghệ thuật, thưởng thức trà sâm được trong không gian nhà sàn truyền thống.

Du lịch cộng đồng: Mô hình homestay sẽ được phát triển theo hướng bền vững, tận dụng nguyên liệu địa phương (tre, gỗ, lá tranh) để xây dựng, đảm bảo tiện nghi cơ bản nhưng vẫn giữ được nét văn hóa bản địa. Mỗi homestay có khu vườn nhỏ trồng chè hữu cơ, phục vụ trải nghiệm "một ngày làm nông dân" cho khách. Ẩm thực tại đây tập trung vào các món sáng tạo từ chè: trà sâm được ủ mật ong rừng, bánh chè xanh nhân đậu, gà nướng ướp lá chè... Người dân sẽ được đào tạo bài bản về kỹ năng hospitality, kỹ thuật trồng chè sạch, và cách quảng bá sản phẩm qua mạng xã hội. Đặc biệt, mỗi gia đình sẽ có "góc trưng bày" giới thiệu sản phẩm địa phương như trà túi lọc, tinh dầu lá chè, đồ thủ công từ vỏ quả chè.

Cơ chế vận hành: Mô hình áp dụng nguyên tắc "du lịch có trách nhiệm": 30% doanh thu từ vé tham quan và homestay được dùng để tái đầu tư cho công tác bảo tồn. Hàng năm sẽ tổ chức "Lễ hội Văn hóa Trà cổ" với các hoạt động như thi hái chè nhanh, trình diễn nghệ thuật công chiêng, chợ phiên sản vật địa phương. Để đảm bảo tính khả thi, dự án sẽ kết nối với các công ty lữ hành lớn để thiết kế tour trọn gói, đồng thời xây dựng thương hiệu truyền thông riêng qua website và phim tài liệu ngắn.

Với mô hình này, kỳ vọng sau 3 năm sẽ:

- + Bảo tồn nguyên vẹn 50-100 cây chè cổ thụ quý hiếm.
- + Nâng cao thu nhập cho ít nhất 50 hộ dân thông qua dịch vụ homestay và bán sản phẩm.
- + Đón 5.000-7.000 lượt khách/năm, tạo đòn bẩy để phát triển các dịch vụ giá trị cao như nghiên

cứu dược tính từ lá chè cổ.

4.5. Giải pháp nâng cao giá trị kinh tế

Trà sâm được hữu cơ: Ủ lên men từ lá chè cổ kết hợp với sâm đá, táo mèo, đạt chứng nhận sản phẩm OCOPp.

Tinh dầu chè xanh: Chiết xuất bằng phương pháp CO₂ siêu tới hạn, ứng dụng trong mỹ phẩm chống lão hóa.

Liên kết với doanh nghiệp địa phương (ví dụ: Công ty Trà Bình Định) để thiết kế bao bì sang trọng, gắn tem truy xuất nguồn gốc blockchain.

Phát triển hợp tác xã chè An Toàn, đào tạo kỹ thuật chế biến sâu.

5. Kết luận và kiến nghị

Quần thể chè cổ thụ An Toàn có giá trị sinh học và kinh tế cao, cần được bảo tồn khẩn cấp. Mô hình du lịch sinh thái kết hợp cộng đồng là hướng đi bền vững, vừa bảo vệ rừng, vừa nâng cao thu nhập. Đề xuất cơ quan ban ngành công nhận "Rừng chè cổ An Toàn" là Di sản Văn hóa phi vật thể cấp tỉnh. Hỗ trợ vốn ưu đãi cho các hộ tham gia du lịch cộng đồng (lãi suất 0% trong 3 năm đầu).

Ứng dụng công nghệ IoT để giám sát sức khỏe cây chè cổ: cảm biến đo độ ẩm đất, drone phun thuốc sinh học.

Hợp tác với Viện nghiên cứu, Trường đại học, Trung tâm nghiên cứu nhân giống in vitro cây chè hàng trăm tuổi.

Xây dựng phim ngắn "Hành trình lá chè cổ" phát sóng trên các nền tảng xã hội, kết hợp tổ chức cuộc thi ảnh nghệ thuật trên nền tảng Instagram...■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Ban Quản lý Rừng đặc dụng An Toàn (2023). Báo cáo hiện trạng rừng và đa dạng sinh học năm 2023. Bình Định: Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2021). Hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây chè thích ứng với biến đổi khí hậu, Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2023). Hướng dẫn sản xuất chè bền vững, Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Nguyễn Quốc Vọng (2019), Báo cáo Dự án nghiên cứu trà shan và tiếp thị trà Việt ra thế giới, Nghiên cứu độc lập của GS.TS. Nguyễn Quốc Vọng - chuyên gia nông nghiệp thuộc trung tâm xuất sắc tiếp thị và nông nghiệp nhà kính, Viện Nông nghiệp Gosford, thuộc Bộ Nông nghiệp bang New South Wales (Úc).

Quách Văn Hóa, (2009), Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát triển chè Shan tuyết huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, Luận văn thạc sỹ kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Phạm Thị Trâm và cộng sự, (2021), Bảo tồn và phát triển chè shan tuyết Hà Giang theo hướng sản xuất hữu cơ. Tạp chí khoa học Đại học Đà Lạt.

Ngày nhận bài: 3/2/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 18/2/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/2/2025

RESEARCH ON THE CONSERVATION AND PROMOTION OF ANCIENT TEA TREE VALUES IN AN TOAN COMMUNE, AN LAO DISTRICT, BINH DINH PROVINCE

- **NGO VAN TUAN¹**
- **NGUYEN VAN TRUNG¹**
- **NGUYEN KHAC HOANG²**
- **HO QUOC BAO²**
- **NGUYEN PHUC THIEN²**

¹Quang Trung University

²Van Hien University

ABSTRACT:

This study aims to assess the current status and propose sustainable conservation and development solutions for the ancient tea tree population in An Toan commune, An Lao district, Binh Dinh province. The field survey identified 493 ancient tea trees distributed mainly in Compartment 11A (Subzone 37), Compartments 3 and 4 (Subzone 41), and Compartment 3 (Subzone 53A), exhibiting diverse ecological characteristics. The study proposes an ecotourism model that integrates conservation efforts with the enhancement of economic value through the processing of specialty tea products. The findings contribute to the preservation of valuable genetic resources, the development of community-based tourism, and the improvement of local livelihoods.

Keywords: ancient tea trees; conservation; ecotourism; An Toan commune; Binh Dinh province.